

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-PT.

Ngày: 14-4-2023

V/v: Chia tài sản chung sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê T Hồng Phương.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Quế

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Thị Hương Giang- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2023/QĐXX-PT ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương T.T - Sinh năm: 1976; Có mặt.

Địa chỉ: Xóm Núi 1, xã D.T, Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Quang H - Sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 01, phường C.G, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 26/3/2022). (Ông H có mặt. Tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C - Sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Xóm T T, xã T.Đ, Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên.

(Ông C có mặt tại phiên tòa).

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn C là bị đơn.

4. Quyết định kháng nghị số 01/QĐ- VKSPB- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Dương T.T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Văn C đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 138/2015/QĐST - HNGĐ ngày 03/11/2015 của TAND Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên. Tại thời điểm ly hôn về tài sản chung bà T và ông C không yêu cầu giải quyết (Về nợ chung các đương sự xác

định là không có). Sau đó, do bà T và ông C không tự thỏa thuận được về việc phân chia tài sản chung sau khi ly hôn, nên bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của bà T và ông C có trong thời kỳ hôn nhân theo quy định pháp luật, tài sản bà T yêu cầu chia là quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 1045 (Diện tích 70m²), thửa đất số 1194 (Diện tích 40m²) - Tờ bản đồ địa chính số 06 xã T.Đ, Huyện P.B đã được UBND Huyện P.B cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C ngày 11/7/2012 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 330337), ngoài ra không có tài sản nào khác.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông và bà Dương T.T đã ly hôn vào năm 2015 như ý kiến trình bày trên của bà T là đúng, nhưng lúc đó chưa yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết do ông và bà T đã thỏa thuận giải quyết ngày 08/9/2012 và sau đó đã trả nợ xong theo biên bản thỏa thuận trên. Từ sau khi ly hôn cho đến nay ông và bà T không thỏa thuận được về phân, chia tài sản chung. Nay bà T yêu cầu chia tài sản chung ông nhất trí chia đôi mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích của các thửa đất. Trên theo diện tích hiện trạng còn lại, nhưng với điều kiện bà T phải thanh toán trả cho ông số tiền 250 triệu đồng là khoản tiền nợ chung mà ông đã thanh toán trả xong cho các chủ nợ (Tính cả lãi suất).

Tại biên bản thẩm định và định giá tài sản xác định tài sản chung của ông C và bà T gồm: Các thửa đất số 1045 tờ bản đồ số 6 (Diện tích 70m²), đo hiện trạng còn lại là 63,1 m² và thửa đất số 1194 tờ bản đồ số 6 (Diện tích 40m²), đo hiện trạng còn lại 35,9 m² tại xã T.Đ, Huyện P.B. Giá trị tài sản chung, theo biên bản định giá ngày 19/10/2022 của Hội đồng định giá thì tổng giá trị tài sản chung của ông C và bà T là 37.218.000 đồng.

Với nội dung trên, tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định :

1. Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của bà Dương T.T, xác định tài sản chung của bà Dương T.T và ông Nguyễn Văn C gồm có:

- Diện tích đất 63,1m² (*Đất ở tại nông thôn*) thửa đất số 1045 và diện tích đất 35,9 m² (*Đất.Trồng lúa nước*) thửa đất số 1194 - Tờ bản đồ địa chính số 06 xã T.Đ, Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên.

1.1. Chia cho bà Dương T.T được quyền sử dụng 35,6 m² thửa đất số 1045 và 13,9 m² thửa đất số 1194 - Tờ bản đồ địa chính số 06 xã T.Đ, Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên.

- Cụ thể: Phần diện tích đất bà T được quyền sử dụng có các mốc ký hiệu từ các điểm: 2, 3, 7, 6, 5, 13, 12, 11, 2 (*Có sơ đồ cụ thể kèm theo bản án này*);

1.2. Chia cho ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng 27,5 m² thửa đất số 1045 và 22 m² thửa đất số 1194 - Tờ bản đồ địa chính số 06 xã T.Đ, Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên.

- Cụ thể: Phần diện tích đất ông C được quyền sử dụng có các mốc ký hiệu từ các điểm: 1, 11, 12, 13, 4, 1 (*Có sơ đồ cụ thể kèm theo bản án này*).

- Buộc ông Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời các tài sản của nhà xưởng được xây dựng trên phần diện tích đất mà bà T được phân, chia nêu trên để bà T quản lý sử dụng đất. Theo quy định.

1.3. Bà Dương T.T và ông Nguyễn Văn C có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo quy định của pháp luật.

1.4. Buộc bà Dương T.T phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn C giá trị phần chênh lệch về tài sản tương ứng với số tiền là **1.944.000** đồng (Một.Triệu chín trăm bốn mươi tư nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định buộc các đương sự phải chịu án phí, lệ phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo theo quy định.

Viện Kiểm sát nhân dân Huyện P.B kháng nghị số 01/QĐ- VKSPB-HNGĐ Ngày 16/01/2023 với nội dung bản án sơ thẩm khi chia tài sản cần phải xem đến diện tích và quy định về hạn mức về điều kiện để cấp giấy chứng nhận QSD đất, mục đích sử dụng đất của đương sự. Căn cứ vào điểm c khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 5 của quyết định số 04/2022/QĐ- UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về hạn mức giao đất, công nhận QSD đất, tách thửa, hợp thửa đất đối với các loại đất.Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên luật đất đai quy định thì diện tích ông C và bà T được chia không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Kháng nghị toàn bộ bản án số 01/2023/HNGĐ- ST ngày 04/01/2023 của Toà án nhân dân Huyện P.B tỉnh Thái Nguyên, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa bản án số 01/2023/HNGĐ- ST ngày 04/01/2023 của Toà án nhân dân Huyện P.B tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 18/01/2023 ông Nguyễn Văn C kháng cáo với nội dung: Đồng ý chia đôi thửa đất mà Toà án đã phân chia nhưng phải chia lại số tiền ông đã trả nợ là 250.000.000đồng.

Quyết định kháng nghị số 01/QĐ- VKSPB- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C và bà T.Thoả thuận nhất phân chia tài sản chung là đất có vị trí, diện tích (sơ đồ) như bản án sơ thẩm. Bà T có trách nhiệm trả cho ông C số tiền nợ mà ông C đã phải trả là 102.500.000đồng. Bà T không phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật.Tổ tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 300 Bộ luật.Tổ tụng dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ- ST ngày 04/01/2023 của Toà án nhân dân Huyện P.B tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo nên được xem xét.Theo trình tự phúc thẩm.

Quyết định kháng nghị số 01/QĐ- VKSPB- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm

2023 của Viện Kiểm sát nhân dân Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên trong thời hạn kháng nghị, được xem xét. Theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của Ông C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông C và bà T đều xác định: Tài sản chung của ông C và bà T chưa chia sau khi ly hôn gồm: Thửa đất số 1045 tờ bản đồ số 6 (Diện tích 70m²), đo hiện trạng còn lại là 63,1 m² và thửa đất số 1194 tờ bản đồ số 6 (Diện tích 40m²), đo hiện trạng còn lại 35,9 m² tại xã T.Đ, Huyện P.B. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C và bà T cùng thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau:

Bà Dương T.T được quyền sử dụng 35,6 m² thửa đất số 1045 và 13,9 m² thửa đất số 1194 - Tờ bản đồ địa chính số 06 xã T.Đ, Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể: Phần diện tích đất bà T được quyền sử dụng có các mốc ký hiệu từ các điểm: 2, 3, 7, 6, 5, 13, 12, 11, 2 (Có sơ đồ kèm theo);

Bà T có trách nhiệm trả cho ông C số tiền ông C đã trả nợ là 102.500.000đồng. Bà T không phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho ông C.

Ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng 27,5 m² thửa đất số 1045 và 22 m² thửa đất số 1194 - Tờ bản đồ địa chính số 06 xã T.Đ, Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể: Phần diện tích đất ông C được quyền sử dụng có các mốc ký hiệu từ các điểm: 1, 11, 12, 13, 4, 1 (Có sơ đồ kèm theo). Ông C được nhận 102.500.000đồng do bà T.Trả lại.

Ông Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời các tài sản của nhà xưởng được xây dựng trên phần diện tích đất mà bà T được phân, chia nêu trên để bà T quản lý sử dụng đất.Theo quy định.

Hội đồng xét xử thấy, thỏa thuận về phân chia tài sản chung giữa ông C và bà T .Tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo của ông C, sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

[2.2] Xét Quyết định kháng nghị số 01/QĐ- VKSPB- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại điểm f khoản 5 Điều 2 của Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên có quy định như sau:

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1.....

5. Quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa không áp dụng đối với các trường hợp sau:.....

f) Thực hiện theo bản án của Tòa án nhân dân các cấp; Quyết định công nhận hòa giải thành của UBND các cấp giải quyết.Tranh chấp đất đai.

Như vậy, bản án sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên đã phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất cho các đương sự là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Quyết định kháng nghị số 01/QĐ- VKSPB- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên là không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Tại phiên toà ông C và bà T đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, người kháng cáo là ông Nguyễn Văn C phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm.

Về án phí sơ thẩm: Tại phiên toà phúc thẩm ông C và bà T.Thoả thuận bà T có trách nhiệm trả cho ông C số tiền ông C đã trả nợ là 102.500.000đồng. Bà T không phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho ông C. Do vậy bà T phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả lại cho ông C theo quy định.

Về án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản mà các đương sự được chia theo quyết định của bản án sơ thẩm, do không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không tính lại.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận thoả thuận của các đương sự tại phiên toà là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 148 Bộ luật.Tổ tụng dân sự;

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐ- VKSPB- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C.

Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên.

Áp dụng Điều khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, Điều 277, Điều 483 Bộ luật.Tổ tụng dân sự năm 2015, các Điều 33,37,45,59,60 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Các Điều 2,6,7,9, 30 Luật.Thi hành án dân sự.

Công nhận sự thoả thuận của ông Nguyễn Văn C và bà Dương T.T về việc chia tài sản chung sau ly hôn như sau:

2.1 Bà Dương T.T được quyền sử dụng 35,6 m² thửa đất số 1045 và 13,9 m² thửa đất số 1194 - Tờ bản đồ địa chính số 06 xã T.Đ, Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể: Phần diện tích đất bà T được quyền sử dụng có các mốc ký hiệu từ các điểm: 2, 3, 7, 6, 5, 13, 12, 11, 2 (Có sơ đồ kèm theo). Có tổng giá trị là **20.553.000** đồng

Bà Dương T.T Có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền ông C đã trả nợ là 102.500.000đồng. Bà T không phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho ông C.

2.2 Ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng 27,5 m² thửa đất số 1045 và 22 m² thửa đất số 1194 - Tờ bản đồ địa chính số 06 xã T.Đ, Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể: Phần diện tích đất ông C được quyền sử dụng có các mốc ký hiệu

từ các điểm: 1, 11, 12, 13, 4, 1 (Có sơ đồ kèm theo) có tổng giá trị là **16.665.000** đồng. Ông C được nhận 102.500.000đồng do bà Dương T.T trả lại.

Ông Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời các tài sản của nhà xưởng được xây dựng trên phần diện tích đất mà bà T được phân, chia nêu trên để bà T quản lý sử dụng đất.Theo quy định.

Bà Dương T.T và ông Nguyễn Văn C có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.Theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Ông Nguyễn Văn C phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003102 ngày 30/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương T.T phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm là 5.125.000 đồng.

4. Các quyết định khác của bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân dân Huyện P.B, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết.T. Thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật.Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật.Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND Huyện P.B;
- THADS Huyện P.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê T Hồng Phương